

Bản án số: 61/2023/HC-PT

Ngày: 15-02-2023

V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ
khi Nhà nước thu hồi đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 447/2022/TLPT-HC ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 211/2022/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3264/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Vũ Thế D, sinh năm 1958 (có mặt);

1.2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1958 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị N là ông Vũ Thế D, sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Hoàng T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 168 Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 168 Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Bà Võ Mộng T1, Trưởng Phòng Phòng nghiệp vụ 5 Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- Bà Thịnh Thị H - Công chức địa chính, xây dựng, đô thị và môi trường Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Vũ Thế D.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N trình bày:

Ngày 19/7/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) ra Quyết định số 4113/QĐ-UBND thu hồi 79,8m² đất, thuộc một phần thửa số 14, tờ bản đồ số 101, bộ địa chính phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, theo tài liệu bản đồ địa chính năm 2003.

Nguồn gốc nhà đất bị thu hồi là ông Vũ Thế D nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Hữu G, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/6/1997, diện tích nhận chuyển nhượng là 100m², mục đích sử dụng đất là đất thổ cư.

Tại thời điểm chuyển nhượng, trên đất có một căn nhà của ông G để lại, gia đình ông D sử dụng đến năm 2004 mới tiến hành sửa chữa lại.

Trong quá trình quản lý, sử dụng nhà đất, gia đình ông D đã thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước từ năm 2001. Điều này phù hợp với thực tế và nguồn gốc đất mà ông G chuyển nhượng cho gia đình ông. Theo Biên bản giải quyết đất ở lập ngày 19/4/1990 thì phần đất nêu trên của ông G, được giải quyết đất ở và sau đó chuyển nhượng một phần cho gia đình ông. Như vậy, phần đất mà gia đình ông bị thu hồi là loại đất thổ cư, gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1997 đến nay. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 19/7/2018, về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại thành phố Thủ Đức (sau đây gọi tắt là: Dự án), cho rằng đất bị thu hồi là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí 1 không phải mặt tiền đường, là không đúng quy định của pháp luật.

Không đồng ý với việc áp giá bồi thường, gia đình ông khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Ngày 24/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ra Quyết định số 4935/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 19/7/2018.

Ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N yêu cầu hủy:

Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại quận Thủ Đức.

Quyết định số 4935/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức bồi thường với phần diện tích 79,8m² theo đơn giá đất ở.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức hỗ trợ về phần nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất ở.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức tái định cư cho gia đình ông D vì bị thu hồi toàn bộ và phần đất bị thu hồi là đất ở.

*** Người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, giữ nguyên ý kiến trình bày bằng văn bản của người đại diện theo ủy quyền người bị kiện tại văn bản số 718/UBND-GPMB ngày 28/02/2019, như sau:

Trong phạm vi giải tỏa thực hiện Dự án, ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N có phần đất, nhà ở, công trình vật kiến trúc gắn liền với đất, tài sản khác và cây trồng, vật nuôi là thủy sản nằm trong ranh giải tỏa (Biên bản kiểm đếm ngày 07/7/2016).

Căn cứ Quyết định số 7101/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, về việc phê duyệt Phương án số 57/PA-HĐBT ngày 07/11/2017 bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án (sau đây gọi tắt là: Phương án số 57).

Ngày 25/6/2018, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của Dự án lập Phương án số 407/PA-HĐBT về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án, đối với ông D, bà N, tổng giá trị bồi thường 281.420.788 đồng.

Ngày 19/7/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định 4113/QĐ-UBND về thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại quận Thủ Đức, như sau: “Thu hồi diện tích 79,8m² của ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N (địa chỉ thường trú: 285/100 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) thuộc một phần các thửa đất số 44, tờ bản đồ 101, Bộ địa chính Phường Tam Bình, quận Thủ Đức (theo tài liệu địa chính năm 2003). Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 40/HĐMM/2016(TB-43) do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đo đạc bản đồ thiết kế xây dựng Hoàng Minh lập ngày 26/02/2016”.

Ngày 19/7/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định số 4129/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án đối với ông D, bà N là 281.420.788 đồng, là đúng quy định, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N.

*** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, giữ nguyên ý kiến trình bày bằng văn bản của người bị kiện tại văn bản số 594/UBND-GPMB ngày 19/02/2019, như sau:

- Đối với việc ông D, bà N không đồng ý Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức bồi thường đất nông nghiệp, diện tích 79,8m² đơn giá bồi thường, hỗ trợ là 3.320.060 đồng/m²:

Theo điểm 1.2 Mục 1 Phần III Phương án số 57, quy định: do đặc thù quận Thủ Đức không còn quỹ đất nên không thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, việc bồi thường chỉ được thực hiện bằng tiền theo giá đất cụ thể của từng loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi đất”.

Tại điểm 4.1 khoản 4 Phần III Phương án số 57, quy định về đơn giá đất ở và đất nông nghiệp: Đất trồng cây lâu năm vị trí 1 không mặt tiền đường có đơn giá 190.000 đồng/m² x hệ số K17,474 = 3.320.000 đồng/m².

Tại thời điểm ông D, bà N xây nhà diện tích 24m² tháng 02/2004 đã vi phạm quy hoạch đất giao thông, do đó, phần diện tích 79,8m² có nhà xây dựng không phép tháng 02/2004 không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận. Như vậy, việc ông D, bà N yêu cầu áp giá bồi thường phần diện tích 79,8m² theo đơn giá đất ở 18.058.740 đồng/m², theo Phương án số 57, là không có cơ sở.

- Đối với việc ông D, bà N không đồng ý Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức không áp giá bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc:

Phần nhà 2, diện tích 45,5m²; gác gỗ diện tích 30m² xây dựng tháng 02/2004 (trong đó có phần nhà diện tích 24m² xây dựng vi phạm quy hoạch đất giao thông, đến năm 2010 có sửa chữa xây dựng thêm một phần nhà (gác) diện tích như hiện nay và nhà 1, diện tích 22,25m²; trần thạch cao 22,25m² và mái che diện tích 16,8m² xây dựng không phép sau ngày 01/7/2006.

Theo điểm c tiết 4.2 khoản 4 Phần IV Phương án số 57, quy định bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác thuộc sở hữu của các hộ gia đình, cá nhân: (Áp dụng Điều 25 Quy định kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) quy định: khoản 4.2 về hỗ trợ: c) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân xây dựng từ ngày 01/7/2006 trở về sau không tính hỗ trợ.

Như vậy, yêu cầu của ông D, bà N là không có cơ sở nên ngày 24/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4935/QĐ-UBND ngày 24/8/2018, giữ nguyên Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông D, bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 211/2022/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ: khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 3 và khoản 4 Điều 59, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điểm c khoản 2 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Điều 14, Điều 18; Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại năm

2011; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 và khoản 3 Điều 17, Điều 29, Điều 45, Điều 49, Điều 50 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N, về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại quận Thủ Đức.

Quyết định số 4935/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/3/2022 người khởi kiện ông Vũ Thế D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 03/3/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 776/QĐ-VKS-HC kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Vũ Thế D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Người khởi kiện ông Vũ Thế D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 4935/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về việc giải quyết khiếu nại, buộc UBND quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) phải bồi thường diện tích 79,8m² đất của ông theo giá đất thổ cư vì gia đình ông đã có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Huỳnh Hữu G lập ngày 02/6/1997 ghi rõ mục đích sử dụng là loại đất thổ cư. Đồng thời xác định nhà trên đất là tài sản hợp pháp được bồi thường.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện vì Nhà nước thu hồi diện tích 79,8m² là loại đất nông nghiệp để làm dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1. Ông D yêu cầu bồi thường theo giá đất thổ cư nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh thu hồi đất của ông là đất thổ cư. Đề nghị Hội đồng xét xử bác Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bác yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Thế D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của người khởi

kiện, nhận thấy đất ông D, bà N cần được xác định là đất ở. Năm 2004 khi xây dựng nhà thì không bị xử phạt, không ai tranh chấp. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, xử chấp nhận Quyết định kháng nghị và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Thế D. Sửa bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Thế D và Quyết định kháng nghị số 776/QĐ-VKS-HC ngày 03/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người bị kiện Chủ tịch và UBND thành phố Thủ Đức đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Xét kháng cáo và kháng nghị:

Về nội dung vụ án:

Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại quận Thủ Đức.

Thực hiện Dự án, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức căn cứ vào các văn bản pháp lý sau: Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố Thủ Đức, Văn bản số 951/UBND-ĐTMT ngày 09/3/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Trong phạm vi giải tỏa thực hiện Dự án, ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N có phần đất, nhà ở, công trình vật kiến trúc gắn liền với đất, tài sản khác và cây trồng, vật nuôi là thủy sản nằm trong ranh giải tỏa.

Về nguồn gốc đất của ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N:

Trước năm 1975, đất vắng chủ, sau năm 1975 Nhà nước giao Tập đoàn 7 quản lý, sử dụng. Đến năm 1990, Tập đoàn 7 giao một phần đất cho ông Huỳnh Hữu G (Biên bản giải quyết đất thổ cư ngày 19/4/1990); năm 1997 ông G chuyển nhượng cho ông D sử dụng đến nay (Hợp đồng chuyển nhượng ngày 02/6/1997).

Theo quy định của pháp luật về đất đai, Tập đoàn sản xuất không có chức năng chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Biên bản giải quyết đất thổ cư ngày 19/4/1990 do các ông Nguyễn Văn Hoàng H, Trần Quốc V, Huỳnh Hữu G, Trần Văn H1 tự lập

giấy tay, không có dấu mộc, không được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/6/1997 được ông Huỳnh Hữu G, bà Tạ Thị B, ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N tự lập, nội dung chuyển nhượng 100m² đất thổ cư, không thể hiện có nhà trên đất, không được công chứng, chứng thực, cũng như xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Năm 1999, ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N có đăng ký kê khai theo quy định phần diện tích đất 100m², không kê khai nhà ở.

Theo nội dung Giấy xác nhận về nguồn gốc, quá trình sử dụng và vị trí nhà, đất bị giải tỏa số 131/UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình, vị trí nhà, đất ông D, bà N sử dụng là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí 1, không mặt tiền đường, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Trình tự, thủ tục Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông D, bà N trong Dự án, căn cứ vào các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm đếm ngày 07/7/2016;

2. Giấy xác nhận số 131/GXN-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình, về việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng và vị trí nhà, đất bị giải tỏa;

3. Bản đồ hiện trạng vị trí số 40/HĐMM/2016(TB-43) do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đo đạc bản đồ thiết kế xây dựng Hoàng Minh lập ngày 26/02/2016;

4. Quyết định số 7101/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, về việc phê duyệt Phương án số 57/PA-HĐBT ngày 07/11/2017 bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án (sau đây gọi tắt là: Phương án số 57).

5. Ngày 25/6/2018, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của Dự án lập Phương án số 407/PA-HĐBT về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án, đối với ông D, bà N.

Ngày 19/7/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định 4113/QĐ-UBND về thu hồi đất để thực hiện Dự án, như sau: “Thu hồi diện tích 79,8m² của ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N (địa chỉ thường trú: 285/100 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) thuộc một phần các thửa đất số 44, tờ bản đồ 101, Bộ địa chính Phường Tam Bình, quận Thủ Đức (theo tài liệu địa chính năm 2003). Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 40/HĐMM/2016(TB-43) do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đo đạc bản đồ thiết kế xây dựng Hoàng Minh lập ngày 26/02/2016” là đúng quy định của pháp luật.

Ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N không khiếu nại Quyết định 4113/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Ngoài ra, tại thời điểm ông D, bà N xây nhà diện tích 24m² tháng 02/2004 đã vi phạm quy hoạch đất giao thông, được Kiến trúc sư trưởng phê duyệt chi tiết 1/2000 theo Công văn số 1248/KTST-QH ngày 15/4/2002. Do đó, phần diện tích 79,8m² có nhà xây dựng tháng 02/2004 không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Như vậy, phần diện tích đất 79,8m² thuộc phạm vi giải tỏa do ông D, bà N sử dụng là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí 1, không mặt tiền đường, chưa được cấp giấy chứng nhận, có nguồn gốc do ông Huỳnh Hữu G được giao năm 1990 (Biên bản giải quyết đất thổ cư ngày 19/4/1990), năm 1997 ông G chuyển nhượng cho ông D sử dụng đến nay. Nhà xây dựng không phép tháng 02/2004 vi phạm quy hoạch đất giao thông, đến sau ngày 01/7/2006 và năm 2010 có sửa chữa xây dựng thêm một số hạng mục công trình và sử dụng đến nay. Việc ông D, bà N yêu cầu áp giá bồi thường phần diện tích 79,8m² theo đơn giá đất ở 18.058.740 đồng/m², theo Phương án số 57, là không có cơ sở. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà N là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Vũ Thế D cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm tình tiết chứng cứ nào mới để làm cơ sở cho yêu cầu kháng cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Thế D là không có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Vũ Thế D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên ông Vũ Thế D sinh năm 1958 là người cao tuổi nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Thế D.
- Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 776/QĐ-VKS-HC ngày 03/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 211/2022/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N, về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1 tại Quận Thủ Đức.

- Quyết định số 4935/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Thế D, bà Vũ Thị N.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Thế D được miễn nộp tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (4);
- Lưu: HSV A (2), VP (5), 16B (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Văn Mười